TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2024/DS-ST Ngày 08/7/2024 "V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn G, sinh năm 1990 (Có mặt) và bà Lý Thị Tuyết S (tên thường gọi: T1) (Vắng mặt); cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/5/2024 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Vào ngày 20/7/2023 âm lịch, bà Lý Thị Tuyết S (tên thường gọi: T1) có đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay bà S hứa hai tháng sẽ trả vốn lãi nhưng đến nay không trả, mục đích vay để tiêu xài trong gia đình và làm vốn nuôi chồn. Ngoài ra, bà S còn tham gia 05 chưng hụi do bà T làm chủ như sau:

Dây hụi ngày 09/8/2022 âm lịch, có 30 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 01 chưng và mua hụi 01 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 09/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 09/12/2024 là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Dây hụi ngày 09/12/2022 âm lịch, có 31 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 09/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 09/5/2025 là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Dây hụi ngày 15/4/2022 âm lịch, có 31 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 15/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 15/9/2025 là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Dây hụi ngày 15/01/2023 âm lịch, có 32 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 15/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 15/7/2025 là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Dây hụi ngày 20/6/2023 âm lịch, có 25 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng, bà S đã đóng đến ngày 20/9/2023, như vậy số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 20/6/2025 là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Số tiền bà S phải đóng vào các ngày mùng 9, 15 và 20 hàng tháng là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 09/10/2023 âm lịch bà S đã không tham gia đóng hụi như thoả thuận, hiện không liên lạc được với bà S. Tính đến thời điểm hiện tại bà T đã bỏ ra số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) cho các lần hụi tháng 10 và tháng 11. Bà S đã trả cho bà T được 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn G và bà Lý Thị Tuyết S (tên thường gọi: T1) có nghĩa vụ trả lại cho bà T:

+ Số tiền vay là 25.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 21/7/2023 đến ngày 08/7/2024, theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi tạm tính là 11 tháng 17 ngày x 0,83%x 25.000.000 đồng = 2.400.083 (Hai triệu, bốn trăm ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng.

+ Số tiền nợ hụi là 172.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 21/11/2023 (nhằm ngày 09/10/2023 Âm lịch) đến ngày 08/7/2024, theo mức lãi suất

1,66%/tháng với số tiền lãi tạm tính 07 tháng 17 ngày x 1,66% x 172.000.000 đồng = 21.604.347 (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Tổng cộng số tiền vay và tiền hụi bà S và ông G phải trả cho bà T là: 197.000.000 đồng + tiền lãi (vay: 2.400.083 + hụi: 21.604.347) đồng = 221.004.430 (Hai trăm hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm ba mươi) đồng. Bà T yêu cầu bà S và ông G phải trả cho bà một lần số tiền này.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn G trình bày:

Ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T, mặc dù giao dịch hụi và vay tiền giữa vợ của ông là bà Lý Thị Tuyết S và bà T thì ông không biết. Nhưng nay bà T khởi kiện, thì ông thừa nhận số nợ và có trách nhiệm cùng bà S trả hết các khoản nợ hụi là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng và tiền vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng cho bà T, cụ thể:

Vào ngày 20/7/2023 âm lịch, bà Lý Thị Tuyết S (tên thường gọi: T1) có đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, khi vay bà S hứa hai tháng sẽ trả vốn lãi nhưng đến nay không trả, mục đích vay để tiêu xài trong gia đình và làm vốn nuôi chồn.

Ngoài ra, bà S còn tham gia 05 chưng hụi do bà T làm chủ như sau:

Dây hụi ngày 09/8/2022 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, có 30 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 01 chưng và mua hụi 01 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 09/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 09/12/2024 là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Dây hụi ngày 09/12/2022 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng có 31 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 09/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 09/5/2025 là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Dây hụi ngày 15/4/2022 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, có 31 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 15/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 15/9/2025 là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Dây hụi ngày 15/01/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, có 32 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng. Bà S đã đóng đến ngày 15/9/2023. Như vậy, số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 15/7/2025 là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Dây hụi ngày 20/6/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, có 25 người tham gia, trong đó bà S tham gia 02 chưng, bà S hốt 02 chưng, bà S đã đóng đến ngày 20/9/2023, như vậy số tiền bà S phải đóng lại cho đến ngày kết thúc ngày 20/6/2025 là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Đối với số nợ hụi 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu đồng) và nợ vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi thì tôi hoàn toàn thống nhất. Nhưng hiện nay thì chúng tôi đã trả được nợ hụi 8.000.000 (tám triệu) đồng vào tháng 03, tháng 04 năm 2024.

Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, nên ông và bà S xin được trả dần toàn bộ số nợ hụi còn lại 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng, nợ vay: 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi 20.757.000 (Hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn) đồng theo yêu cầu của bà T. Ông xin trả mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi dứt khoản nợ trên.

Đối với bị đơn bà Lý Thị Tuyết S: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà S, nhưng bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Lý Thị Tuyết S chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn G liên đới với bà Lý Thị Tuyết S trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền nợ hụi 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng, lãi suất chậm trả là 1,66%/tháng tính từ ngày 21/11/2023 đến ngày 08/7/2024, trả số tiền nợ vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 08/7/2024. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lý Thị Tuyết S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228,

khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lý Thị Tuyết S.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi là 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng và nợ vay tài sản với số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Tuyết S, ông Lê Văn Giàu c trách nhiệm hoàn trả tiền hụi 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng, tiền vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng. Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn G cũng thừa nhận ông và bà Lý Thị Tuyết S có nợ nguyên đơn số tiền này. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng, tiền vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền vay là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 21/7/2023 đến ngày 08/7/2024, theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi tạm tính là 11 tháng 17 ngày x 0,83% x 25.000.000 đồng = 2.400.083 (Hai triệu, bốn trăm ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng.

Xét thấy: Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 20/7/2023, số tiền vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng bà T và ông G đều thống nhất lãi cho vay 5%/tháng. Nhưng kể từ thời điểm vay bà S và ông G không trả lãi. Theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

Do đó số tiền lãi mà bị đơn phải trả: 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng x 0.83% x (từ ngày 21/7/2023 đến ngày 08/7/2024: 11 tháng 17 ngày) = 2.400.083 (Hai triệu, bốn trăm ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng.

[3.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền nợ hụi là 172.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 21/11/2023 (nhằm ngày 09/10/2023 Âm lịch) đến ngày 08/7/2024 , theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi tạm tính 07 tháng 17 ngày x 1,66% x 172.000.000 đồng = 21.604.347 (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Xét thấy: Đối với hợp đồng góp hụi. Tại phiên tòa, bà T và ông G đều thống nhất kể từ ngày 09/10/2023 âm lịch (dương lịch là ngày 21/11/2023) bà S và ông G không còn góp hụi theo thỏa thuận, ông G cũng đồng ý trả cho bà S số tiền lãi trên số nợ hụi theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Do đó bị đơn phải chịu lãi: 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng x 1,66% x 7 tháng 17 ngày = 21.604.347 (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

[3.3] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vốn gốc: Nợ vay 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, nợ hụi 172.000.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu) đồng; tiền lãi hụi và vay: 2.400.083 (Hai triệu, bốn trăm ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng + 21.604.347 (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng = 221.004.430 (Hai trăm hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm ba mươi) đồng.

[4] Đối với việc bị đơn ông Lê Văn G xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi dứt nợ. Nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 11.050.222 (Mười một triệu, không trăm năm mươi ngàn, hai trăm hai mươi hai) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lý Thị Tuyết S và ông Lê Văn G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 217.000.000 (Hai trăm mười bảy triệu) đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.004.430 (Hai mươi tư triệu, không trăn lẻ bốn ngàn, bốn trăm ba mươi) đồng. Tổng cộng vốn lãi là 221.004.430 (Hai trăm hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.331.250 (Hai triệu, ba trăm ba mươi mốt ngàn, hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003354 ngày 17/4/2024 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000 (Hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003373 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lê Văn G và bà Lý Thị Tuyết S phải chịu 11.050.222 (Mười một triệu, không trăm năm mươi ngàn, hai trăm hai mươi hai) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà